

CẢM HỨNG GIẾU NHẠI THÂN QUYỀN TRONG SƠ KÍNH TÂN TRANG CỦA PHẠM THÁI

Trương Thị Thu Hiền
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Tóm tắt: *Sơ kính tân trang* của Phạm Thái (1777- 1813) là tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX. Một trong những giá trị độc đáo của tác phẩm là cảm hứng giễu nhại thân quyền tập trung trên hai phương diện: Thứ nhất là giễu nhại triết lí diệt dục/ tiết dục của Phật giáo, Đạo giáo; Họ Phạm đã xây dựng một thế giới nhân vật cái trang các nhà tu hành. Từ việc miêu tả cuộc sống thoát tục mà lại rất trần tục của các nhà tu hành, Phạm Thái giễu nhại triết lí diệt dục, tiết dục có phần phản tự nhiên để khẳng định hạnh phúc đích thực nơi trần giới. Thứ hai là giễu nhại thuyết thiên mệnh/ định mệnh của Nho giáo, Phật giáo: Qua việc miêu tả những biến cố như đã được tiên định trong cuộc đời nhân vật Phạm Kim, Phạm Thái cho thấy những triết thuyết trên là những giáo lí áp đặt, giả tưởng không thể giải được "bài toán" về số phận con người. Tác phẩm *Sơ kính tân trang* ẩn sâu chất ảm - mua đen (humour noir). Đó là một nụ cười buồn bã, thâm trầm của Phạm Thái khi hướng tới khát vọng đi tìm hạnh phúc đích thực của con người.

Từ khóa: *Sơ kính tân trang*, Phạm Thái, giễu nhại, triết lí diệt dục/ tiết dục, thiên mệnh, hạnh phúc...

1. Mở đầu

Sơ kính tân trang của tác giả Phạm Thái (1777 - 1813) là tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX. Ngoài tính chất tự truyện, *Sơ kính tân trang* có nhiều giá trị riêng biệt, độc đáo. Một trong những giá trị riêng biệt, độc đáo đó là cảm hứng giễu nhại thân quyền của *Sơ kính tân trang*.

Như chúng ta biết, giễu nhại không phải là đặc quyền của văn học hậu hiện đại. Giễu nhại đã có trong văn học thế giới ngay từ thời cổ đại với *Ngụ ngôn Aesop* (Hi Lạp), thời Trung cổ và thời Phục hưng với các áng văn *nhại thánh thần*, *văn nhại hiệp sĩ*... Cảm hứng giễu nhại cũng rất phong phú trong văn học dân gian Việt Nam, trong văn học trung đại Việt Nam với các tác giả tiêu biểu: Hồ Xuân Hương, Phạm Thái, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương... Thuật ngữ "giễu nhại" (tiếng Anh: **parody**, tiếng Pháp: **parodie**) có gốc từ tiếng Hy Lạp cổ là **parodia**. Từ này được kết hợp bởi tiền tố **para** (vừa có ý nghĩa là "ngược lại", "dựa vào"; vừa có ý nghĩa là "bên cạnh") và danh từ **ode** có nghĩa là "bài hát". Theo đó giễu nhại được hiểu là một bài hát "dựa vào" bài hát gốc, bài hát sinh ra từ bài hát gốc, tương phản trái ngược với bài hát đó hoặc song tồn bên cạnh mà không tương phản, trái ngược" [6, 419]. Cho đến nay vẫn tồn tại nhiều kiến giải khác nhau về "giễu nhại" nhưng các nhà nghiên cứu đều thống nhất mục đích của giễu nhại là thông qua sự bắt chước quá lộ để đùa bỡn, chế nhạo hoặc đả kích. Trong văn học, giễu nhại được xem như "là một biểu hiện của tính đối thoại, là một hình thức biểu hiện của tiểu thuyết đa thanh/ phức điệu, một dạng thức carnival hóa" [6, 420]. "Giễu nhại" trong văn học cũng gắn liền với sự giải thiêng, hạ bệ - nghĩa là chuyển hóa tất cả những gì cao cả, thiêng liêng, lí tưởng, trù tượng sang bình diện vật chất, thân xác, phàm tục. Chính vì vậy, đối tượng giễu nhại mà văn học thường hướng đến là "những đối tượng chớp bu hoặc là tôn giáo, hoặc là giới cầm quyền hay một hành vi phổ quát nào đó của xã hội" [5, 318]. Trong *Sơ kính*

Ngày nhận bài: 18/5/2016. Ngày nhận đăng: 20/7/2016

Liên lạc: Trương Thị Thu Hiền- mail: hongquans2007@gmail.com

tân trang, Phạm Thái thể hiện cảm hứng giễu nhại thần quyền - tức là biểu hiện một *trạng thái hứng khởi/ hứng thú giễu nhại* hướng đến đối tượng là *lực lượng thống trị trên lĩnh vực tinh thần*. Hướng đến đối tượng giễu nhại này, Phạm Thái tập trung "*tấn công*" vào những giáo lí, kinh điển của Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo - những tư tưởng được xã hội xem là thiêng liêng, chính thống, độc tôn, nhất thành bất biến. Qua đó, Phạm Thái không chỉ phá vỡ một cách giản đơn mà là *đổi thoai*, phản biện/phản tư, phủ định những giáo lí/ kinh điển/tín điều trừu tượng, khô cứng có kì vọng trở thành cái tuyệt đối và vĩnh cửu.

2. Nội dung

2.1. *Sơ kính tân trang* giễu nhại triết lí diệt dục/quả dục/tiết dục và con đường tu hành thoát tục của Phật giáo, Đạo giáo

Phật giáo chủ trương diệt dục, diệt những dăm mê ngũ dục. PGS.TS. Trần Nho Thìn đã phân tích: Thực chất diệt dục là con người chiến thắng được bản năng "*vượt lên trên các nhu cầu vật dục (ăn ngon, mặc đẹp, nhà ở xa xỉ, đất tiền và các tham muốn vật chất khác..., bản năng tình dục, tham sống sợ chết...)*" [8, 389]. Do vậy, Phật giáo "*xây dựng một chủ trương kiểm soát nghiêm ngặt với thân xác bản năng*" [8, 393], thực thi một lối tu hành thanh bần, đạm bạc.

Đến với tác phẩm *Sơ kính tân trang*, người đọc sẽ thấy sắc thái giễu nhại triết lí diệt dục của Phật giáo qua cái nhìn từ Phạm Kim - nhân vật hóa thân của Phạm Thái. Nhân vật Phạm Kim đặt chân đến chốn Phật trong hoàn cảnh thật đau buồn: Công việc Cần Vương thất bại, gia đình li tán. Nổi chí cha, mưu đồ lại sự nghiệp Cần Vương, Phạm Kim đã rong ruổi qua nhiều vùng quê để tìm bạn cùng chí hướng. Và khi dừng bước tại chốn cửa thiền, nơi vốn biểu trưng cho sự thanh tịnh *thoát tục*, tu hành khổ hạnh, chàng lại thấy ở đó "*sặc mùi trần tục*": "*Sài Sơn tựa áng phồn hoa/ Sư huynh chải chuốt, vải già đong đưa/... Sư tiên đứng đỉnh lạ đời/ Xe thêu kim tuyến, áo dài khói hương/ Hoa sen da lợn lột gương/ Gậy mun bạc bít, mũ vàng gắm căng/... Tiểu tăng lăm vẻ mỹ miều/ Bẻ bai chiêu lịch dập diu dập thanh.*" M. Bakhtin đã nhận xét tiếng cười châm biếm của thời trung cổ, tính chất giễu nhại thường gắn với "*cảm quan hội giả trang diễn đạt tính tương đối đầy vui nhộn... và thậm nhuần tình thần chống khổ hạnh một cách ngạo ngược*" [1, 29]. Nhận định này giúp ta liên tưởng về cái "*xã hội nhà chùa*" hiện lên qua miêu tả của Phạm Thái thật chẳng khác nào chốn phồn hoa đô hội - nơi diễn ra "*lễ hội hóa trang*" vui tươi do các nhà đội lột tu hành sắm vai: "*từ nam đến nữ, từ trẻ đến già, từ người mới nhập đạo đến bậc thâm niên có phẩm hàm: sư huynh, sư cô, sư tiên, vải già, tiểu gái, tiểu tăng*" [7, 249]. Đó là một *thế giới cải trang* vui tươi, "dập diu", sinh động. Bởi các nhà tu hành ấy hiện lên với "*diện mạo thì chải chuốt, trang phục thì diêm dúa xa hoa, cử chỉ, điệu bộ thì đong đưa, lẳng lơ.*" [7, 249]. Góc nhìn của họ Phạm cho thấy các nhà tu hành vẫn còn trĩu nặng các nhu cầu vật dục và lòng ham muốn thanh sắc. Tính chất *ngịch dị* biểu hiện rõ trong cảm quan giễu nhại triết lí diệt dục của đạo Phật: Nơi chốn trai giới này không hề để thực thi triết lí diệt dục mà ngược lại làm ... tăng thêm, kích thích lòng ham muốn sắc dục. Đồng thời, với tư cách là Phở Chiêu thiên sư, Phạm Thái *đả kích, phủ định* lối sống xa hoa của các bậc tu hành (một thực trạng đáng báo động trong thời Lê mạt) nhưng với tư cách là một văn nhân tài tử, dường như Phạm Thái lại *khẳng định* và "*có phần dấm say trước hương vị trần*

tục của cuộc sống con người” [7, 250]. Cảm xúc đắm say ấy không phải là lòng thành kính Phật đạo mà là lòng “*uru ái*”, ngưỡng mộ thanh sắc các sư nữ của bản thân họ Phạm. Vì vậy, Phạm Thái đã dành rất nhiều lời thơ miêu tả các sư cô, tiểu gái trên mỗi ngưỡng cửa chùa mà nhân vật Phạm Kim dừng chân: Đó là tiểu gái “*long lanh mắt liếc, say sưa miệng cười*” chùa Sài Sơn (Hà Nội); là dáng điệu dịu dàng của ni sư chùa Phật Tích (Bắc Ninh): “*Kẻ mềm mại điệu, người tha thướt chiều*”; là vẻ khả ái của sư cô ở Đền Hùng (Phú Thọ): “*Người cung nữ, tuổi xuân xanh/Đem thân bỏ liễu đối cành đàn na*”; là vẻ đẹp sang quý của sư cô chùa Yên Tử (Quảng Ninh): “*Tu hành đấy có sư cô/ Dễ đem nghìn nén mà mua tiếng cười*”. Những nhân vật nữ đó tuy xuất gia nhưng đều trẻ đẹp, hấp dẫn! Vậy tại sao phải chịu kiếp tu hành khi mà họ còn xuân xanh, còn vương vấn niềm tục? Như vậy, khi giễu nhại về triết lý diệt dục, tu hành đắc đạo, ít nhiều Phạm Thái còn thể hiện thái độ hoài nghi về con đường đạt đến sự đốn ngộ của chúng sinh trong kiếp tu hành theo giáo lý nhà Phật.

Cùng quan điểm với Phật giáo, Đạo giáo cũng răn người đời không nên quá tôn trọng và thiên về đời sống vật chất, *phải tiết chế lòng ham muốn*, nên chú trọng tinh thần, lấy cái tâm đè nén cái khí, thà bỏ cái thân này mà giữ được Đạo và Đức. Để bổ sung thêm quan điểm phủ nhận lối sống tu hành khổ hạnh của Phật giáo, trong *Sơ kính tân trang*, Phạm Thái tiếp tục giễu nhại *giáo lý tiết dục* của Đạo giáo bằng hình thức dựng lên cuộc gặp gỡ của hai nhân vật cũng mang tính cải trang: Phạm Kim khoác áo thiên sư để trốn đời (vì tình yêu tan vỡ) và nàng Thụy Châu (*hậu thân của Trương Quỳnh Thu - người yêu đã mất của Phạm Kim*) cải trang thành đạo sĩ để trốn tránh thân phận làm cung phi khi nhà vua ban lệnh tuyển cung nữ.

Sau bị kịch tình yêu, Phạm Kim quyết định khoác áo thiên sư ở chùa Kim Sơn để quên đi miền tục. Tại nơi đây chàng hết sức ngợi ca vẻ thanh tao, thoát tục của cõi Phật và cũng tỏ rõ lòng thành tâm mộ đạo. Chàng chăm tụng kinh, niệm Phật, trai giới, tĩnh tâm tĩnh trí đạt được chân như, chứng quả Niết bàn: “*Nguyện Di đà, Niệm Trì Lu/ Bỏ Đê là đạo, chân như ấy lòng/ Miệng ăn trai giới lạ lùng/ Chán màu li thái, lại đồng thủy thoa.*” Thụy Châu thì vốn là một khuê các đài trang thế nhưng nàng đổi dạng nam nhi, cải trang làm đạo sĩ: “*Đồ nâu sồng sẵn tiên y, đạo bào*”. Cũng như Phạm Kim, Thụy Châu rất thành tâm tu luyện. Nàng thực hiện nghiêm cẩn nếp sinh hoạt của đạo sĩ. Ăn uống thanh đạm: “*Chè mai cốt, bánh tùng chi*”; “*Đồ trua: Kim cúc, đồ chiêu: ngọc chi*”. Sống cuộc sống hòa hợp với tự nhiên: “*Sớm vui từng bách, tối bì trăm hương*”. Thụy Châu cũng rất thành tâm tu luyện phép dưỡng sinh của Đạo pháp: “*Luyện tu biết mấy linh đơn/Hút mây từng thảng, thở sương từng thì*”. Tự thân Thụy Châu cảm thấy nàng cũng thấm nhuần được phép huyền vi của Đạo giáo: “*Mới hay thay, đạo huyền vi/ Đạo thanh tĩnh, phép huyền vi nhiệm màu*”. Tưởng vậy là thấu suốt đạo pháp lắm, thế nhưng khi thiên tăng hội ngộ đạo sĩ, cùng nhau xướng họa thơ văn thì cả hai vẫn còn nặng lòng với trần gian lắm: “*Trót với trần gian cho vẹn kiếp/ Những như tình cảnh cũng buồn tênh*” (Lời tăng xướng). “*Đeo đẳng phù sinh chi bận với/ Để cho non nước những buồn tênh*” (Thụy Châu họa). Họ luyện lưu nhau ngay từ buổi đầu gặp gỡ. Do đó, khi Thụy Châu trở về chốn lầu xanh, điều mà nàng luyện tiết không phải là cuộc sống vi diệu của Đạo giáo mà nàng lưu giữ trong tâm trí hình ảnh vị thiên sư. Còn vị thiên sư kia tưởng một lòng thành tâm *thoát tục* cũng lại *hoàn tục* đi tìm hình bóng giai nhân. Cửa Phật, động tiên kia, té ra không giữ được bước chân họ. Họ lại

trở về với cõi nhân gian, với tình yêu muôn thủa và những xúc cảm trần thế. Với hình tượng hai nhân vật cải trang để tu Phật, tu tiên thoát tục lại trở về với cõi trần tục, Phạm Thái thêm một lần nữa giễu nhại luận thuyết diệt dục, tiết dục, tu hành khổ hạnh có phần phản tự nhiên của Phật giáo, Đạo giáo. Từ đó, họ Phạm đưa đến một “*sự thấu suốt*” khác: Tình yêu, hạnh phúc trần giới giữa cõi đời trần tục mới là điều đáng sống, mới là lực hướng tâm để quy tụ mọi nguồn cảm xúc và hành động của mỗi cá nhân.

2.2. Sơ kính tân trang giễu nhại thuyết thiên mệnh/định mệnh/số mệnh của Nho giáo, Phật giáo

Về chữ mệnh, GS. Trần Đình Hượu đã nhận định: “*Mệnh là một vấn đề đã được Nho gia, Đạo gia và Phật giáo chú ý: con người không thể thoát khỏi một sự quy định từ bên ngoài, sắp xếp sẵn từ trước*” [3, 320]. Nho giáo đề xuất quan điểm *thiên mệnh* - mệnh trời, tức là trời quy định cho mỗi cá nhân một số mệnh, không thể cãi được mệnh trời. Nho giáo cũng chủ trương: “*Không biết mệnh thì không thể nào là quân tử được*” (*Bất tri mệnh vô dĩ vi quân tử*) [4, 247]. Nghĩa là người quân tử có khả năng *tri thiên mệnh* - biết trước mệnh nên an mệnh và chờ mệnh. Tóm lại, theo quan điểm của Nho giáo: “*Mệnh ở đây có nghĩa là định mệnh, số mệnh, trở một sự tiên định, tức người không thể đổi được*” [4, 274].

GS. Trần Đình Hượu cũng phân tích chữ mệnh của Phật giáo như sau: “*Phật giáo chủ trương vô ngã, không giải thích mệnh một cách đơn giản là mệnh trời, người chủ thế gian mà bằng thuyết duyên nghiệp trong thời gian vô cùng. Con người ấy ra nhân thì chịu quả, duyên nghiệp cứ đó mà kéo dài mãi. Đó cũng là một thứ mệnh, một cái đã tiên định.*” [3, 320]. Theo đạo Phật, số phận con người là do tiên định được lí giải bằng thuyết nhân duyên mà “*cơ chế vận hành*” của nó là sự tái sinh luân hồi (tức là một chuỗi hóa - sinh liên tục qua sự luân chuyển các kiếp).

Sơ kính tân trang là một tác phẩm có nhiều yếu tố tự truyện của Phạm Thái - với nhân vật Phạm Kim là hóa thân của Phạm Thái. Bất lực với đời sống hiện tại của cá nhân (*sự nghiệp không thành, tình yêu dang dở*), họ Phạm đã tin và sử dụng thuyết thiên mệnh/ định mệnh của Nho, Phật như “*cứu cánh*” cho hoàn cảnh thực tại. Thậm chí sự “*tôn thờ*” đó như đẩy lên mức độ cực đoan khi Phạm Thái “*đã đổ cả cho số phận, cho định mệnh*” [9, 160]. Họ Phạm cho rằng cuộc đời có ra sao là do định mệnh. Vì thế, có thể nói một nửa đầu của truyện *Sơ kính tân trang* kể về câu chuyện cuộc đời Phạm Thái và cuộc đời của nhân vật Phạm Kim trong tác phẩm như bị phủ bóng, bị ám ảnh bởi *định mệnh*. Phạm Thái đã vận dụng hai chủ thuyết về chữ mệnh của Nho giáo và Phật giáo để lí giải “*sự vận hành*” của những sự kiện, biến cố trong cuộc đời Phạm Kim: diễn ra không phải ngẫu nhiên mà do sự sắp xếp trước của số mệnh.

Trước hết với sự vận dụng quan niệm về *thiên mệnh* của Nho giáo trong tác phẩm, Phạm Thái đã tỏ ra biết mệnh trời hoặc đã để cho nhân vật Phạm Kim có khả năng “*tri thiên mệnh*”. Nhưng khả năng biết trước mệnh trời lại bằng những hình thức *phi Nho* như: tiên tri, bói toán, thuật số, tử vi, phong thủy... Điều này ít nhiều thể hiện sự giễu cợt Nho giáo vốn “*chủ trương một lối sống hướng vào cõi người, xa lánh quỷ thần, bài xích cái kì quái, thần bí, huyền ảo*” [3, 342]. Yên đồng - tiểu đồng của Phạm Kim đã từng tự hào giới thiệu về chủ của mình: “*Từ chương, phú lục, văn thi/Cung, đao, kiếm, mã mọi bề lưu thông/ Cờ thần, rượu thánh, thơ tiên/*

Tiên hay múa phượng, dịch thiêng gáy hoàng/ Nghề thuật số vốn tinh tường/ Gôm bên Tiên, Thích, đũa đường lí y". Có nghĩa là Phạm Kim văn võ toàn tài, giỏi cầm, kì, thi, tửu và chàng còn tinh thông cả *nho, y, lí, âm, cầm, độn, toán* nữa. (Đây cũng là cách tự "khoe" gián tiếp về mình của Phạm Thái). Tiên mệnh dường như một "lớp phim âm bản" chỉ cần tráng một "thứ nước rửa" bằng phong thủy, bói toán, tướng số là sẽ hiện ra cụ thể, chính xác! Chúng ta thử tìm hiểu những dấu mốc quan trọng trong cuộc đời Phạm Kim:

*** Thời điểm thứ nhất: Thời điểm sinh thành**

Phạm Thái đã mượn mô típ sinh thành kì lạ của các bậc thánh nhân, quân tử trong truyền thuyết, truyện truyền kì để kể về sự ra đời của Phạm Kim: Phạm công và Trương công đã đính ước với nhau: Hễ bên này sinh con gái, bên kia sinh con trai thì sẽ cho hai đứa trẻ thành gia thất. Họ Trương sinh con gái trước. Họ Phạm muộn màng về đường sinh con trai nên phải bày tỏ lòng thành để sửa sang phần mộ: "*Sửa sang một cuộc âm phần/ Hàm thư đan phượng lấm phần tinh hoa ...*" thấy phần mộ tổ là mộ kết, âm phần có hình thể đẹp như "*phượng đỏ ngâm sách*" ("*Dan phượng*" cũng là tên chữ của Phạm Thái) ất sinh quý tử. Ứng chiếu với điềm báo, Phạm Kim được sinh ra với dung mạo đẹp đẽ, khác người: "*Phong tư mới thực khác vời/ Khổ người tuấn tú, bả trời thanh quang*". Phạm Thái đã giả giọng tiên tri dự báo trước số phận cuộc đời của Phạm Kim bằng việc gia đình lập lá số tử vi cho chàng: "*Tử vi xem mới lạ thường/ Lộc, Quyền chiếu mệnh, Khúc Xương giáp tri/ Âm dương lưỡng diệu càng ghê/ Việt, Khôi, Tử, phủ đóng về thân cung/ Còn e Dương, Kiếp, Đà, Không/ Nửa trung vận chữa khỏi vòng truân chuyên.*" Lá số tử vi cho thấy cung mệnh của chàng được đóng bởi những ngôi sao đẹp - nhưng cũng bị *khắc hãm* bởi nhiều sao xấu. Như vậy lớn lên, chàng sẽ văn võ song toàn, danh vang thiên hạ nhưng đến trung vận sẽ gặp nhiều tai nạn, biến cố.

*** Thời điểm thứ hai: Gia đình gặp biến cố**

Cũng theo mạch tự truyện, Phạm Thái kể lại cảnh sóng gió ập lên gia đình Phạm Kim. Cha chàng thất bại trong sự nghiệp Cần Vương. Phạm Kim mặc dù: "*Nghĩ mình thêm giận chí mình/ Cũng toan ra mặt tỏ danh anh tài*" định nổi chí cha, dấn thân vào hành động. Nhưng chàng quyết định ẩn nhẫn vì đã biết trước được tương lai qua một quẻ bói Dịch: "*Nhưng thì cũng lúc vân lô/ Hào tam truân ấy hãy nuôi chí bền*". Quẻ bói xấu biểu thị sự gian nan, vất vả nên Phạm Kim quyết định chưa ra tay hành động mà hãy "*tạm nuôi chí bền*". Điều này, Phạm Thái muốn cho thấy nhân vật Phạm Kim tỏ ra biết mệnh và an mệnh chờ thời.

*** Thời điểm thứ ba: Gặp được người trong mộng**

Phạm Kim dừng chân ở Thúy Hoa Dương, cách không xa lầu trang của Quỳnh Thư. Nhân chuyện Hồng nương bê trộm hoa mẫu đơn bị Yên đồng bắt được, Hồng nương giới thiệu mình là nữ tì của Quỳnh Thư - một tuyệt sắc giai nhân ở gần Thúy Hoa Dương. Phạm Kim bèn sai Yên đồng dò la thực hư. Lần này, khả năng "*tri thiên mệnh*" - dự báo trước số mệnh Quỳnh nương, Phạm Thái "*trao*" cho Yên đồng (*có lẽ Yên đồng cũng học được ít nhiều khoa tướng số từ chủ chưởng!*). Yên đồng về khen Quỳnh Thư kiều diễm, thông minh nhưng chê nàng có tướng yếu mệnh: "*Chín e tướng số chưa an/ Hay là vì chữ hồng nhan quả gàn/ Hai cung nhật nguyệt thân quang/ Tài thông minh với văn chương rất kì/ Song hiềm phúc ẩn tiêm đê/ E đường thọ khảo kém bề phu quân/ Định tiên hoa tạ, tàn xuân/ Hay phần quy ẩn, xấu phần tử cơ*". Và

đúng như lời Yên đồng, thời gian ở trên dương thế của Trương Quỳnh Thư rất ngắn ngủi.

*** Thời điểm thứ tư: Người yêu báo hung tin**

Sau hai năm hương lửa nồng say với Quỳnh nương, Phạm Kim toan định lễ cầu hôn thì có việc phải về quê. Trong thời gian chàng ở quê, Quỳnh Thư bị ép duyên, nàng gửi đến Phạm Kim một bức lệ thư thuật lại tình cảnh, than tiếc duyên phận, hẹn ước kiếp sau tái ngộ. Ở hoàn cảnh rối bời ấy, Phạm Kim tiếp tục xem một quẻ độn để biết trước tiên định: “*Độn xem một quẻ mỗi âu/ Khắc âm hậu thổ, động câu Đằng thân/ Bói thì quẻ thủy lôi truân/ Lục thân vương hổ, lục thân không tài.*” Quẻ độn cho một dự báo rất xấu. Đau khổ, bất lực, chàng không thể lí giải được tại sao định mệnh lại nghiệt ngã đến thế. Lúc này, Phạm Thái để nhân vật Phạm Kim gặp lại Quỳnh nương cũng chỉ là cùng than khóc và trách móc sự vô tình, nhẫn tâm của hóa công: “*Hai bên than trúc, nguyên mai/ Trách khuôn duyên nữ hẹp hòi lượng dung*”.

Nếu như dựa vào quan điểm *thiên mệnh* của Nho giáo - số mệnh đã định trước rồi thì đến đây Phạm Kim bế tắc hoàn toàn: Sự nghiệp chưa thành, người yêu yếu mệnh và tình yêu tan vỡ không thể cứu vãn được. Vậy thì tại sao như thế, tất cả đành đổ cho mệnh trời, một thứ mệnh trời chung chung: Chịu khổ, bất hạnh mà không biết tại sao mình phải khổ, phải bất hạnh. Tuy đã biết trước mệnh trời, Phạm Kim cũng chỉ biết an bài theo số phận hoặc phản ứng một cách yếu ớt, bất lực là than trách ông trời. Thậm chí trong tác phẩm có đến gần 30 lần Phạm Thái để cho các nhân vật nhắc đến hoặc trách “trời” cùng các biến thể của “trời”: *Trời xanh, trời già, con tạo, khuôn duyên, đáng cứu trùng... Sự bất lực* của Phạm Kim cũng là hình thức Phạm Thái giễu nhại *sự bất lực* của chủ thuyết “*thiên mệnh*” trong Nho giáo: *Đó là một thứ giáo lí khô khan, cứng nhắc, chỉ nêu ra được hiện tượng mà không giải thích được nguyên nhân, tự gán trước cho mỗi con người một số phận một cách giáo điều và áp đặt.*

Đã từng bén chôn Phật, cửa thiên nên Phạm Thái cũng rất am hiểu những triết thuyết của nhà Phật. Để lí giải trước những sự kiện, biến cố tiếp theo cũng như tìm giải pháp, cứu cánh cho số phận - cuộc đời Phạm Kim, Phạm Thái đã chuyển sang hướng thứ hai: Đó là vận dụng quan điểm *định mệnh* của nhà Phật gắn với *thuyết nhân duyên* mà “*cơ chế vận hành*” của nó là *sự tái sinh luân hồi* (tức là một chuỗi hóa - sinh liên tục của sự luân chuyển các kiếp). Nhân duyên của Phạm Kim và Quỳnh nương đã được “*án định*” trước bằng sự giao ước của Trương công và Phạm công. Nếu họ *kiếp này* còn nợ duyên nhau thì *kiếp sau* sẽ phải trả đó là *tiền định*. Chính vì vậy, trong thời khắc cuối cùng của giây phút tạ biệt, Quỳnh nương đã nhắc đến chữ “*kiếp*” và lời hẹn ước tái ngộ: “*Nàng rằng: Phận thiếp đã xong/ Kiếp này đã vậy còn hồng kiếp sau/ Nhưng thì u hiển khác nhau/ Dầu khi gặp gỡ dễ hầu mà tin/ Thiếp nay tay có son in/ “Quỳnh nương” hai chữ thì xin nhớ cùng*”. Như vậy giữa Phạm Kim và Quỳnh nương có *duyên* mà không có *phận* ở *kiếp này* thì *kiếp sau* sẽ hẹn ngày tái ngộ. Tín hiệu để nhận ra sự tái ngộ ấy là hai chữ son “*Quỳnh nương*”.

*** Thời điểm thứ năm: Người yêu quyên sinh**

Quỳnh nương bị ép duyên nên đã lấy cái chết để giữ vẹn nguyên tấm lòng trung trinh với người tình. Phạm Kim thương nhớ, mộng thấy Quỳnh nương trở về: Nàng kể cho chàng nghe về *tiền kiếp* của mình vốn là một tiên nữ vì đánh vỡ chén ngọc trong tiệc yến Quỳnh Dao nên bị đày xuống trần. Hết hạn đày mười lăm năm được trở về với cõi tiên. Nhưng nàng còn nặng

lòng với duyên trần nên hẹn Phạm Kim sẽ có ngày tái ngộ: *“Thiếp xưa dự bậc thiên nga/ Yên Quỳnh Dao, sẩy chén hoa, mắc dây/ Mười lăm năm nhẫn tháng ngày/ Dao Trì lại được sánh bầy tiên thiên/ Thiếp râu đã trót trần duyên/ Lại xin xuống để vẹn nguyên trần gian.”* Đây là lần thứ hai dự báo nàng sẽ trở về vì duyên trần còn nặng.

*** Thời điểm thứ sáu: *Quỳnh nương trở lại - “khúc vĩ thanh” của tình yêu hay dấu chấm hết của một cuộc tình?***

Quỳnh nương không còn nữa, Phạm Kim chán nản tìm đến vùng Kim Sơn khoác áo thiền sư. Tại đây chàng đã gặp Thụy Châu (*con gái của Trương công cải trang làm đạo sĩ để trốn lệnh tuyển cung phi*). Họ cùng nhau ngâm vịnh rất tương đắc. Hai bên đều có ý nghi ngờ về nguồn gốc của nhau. Vì vậy khi Thụy Châu về lâu xuân, Phạm Kim bỏ cả việc tu hành để tìm Thụy Châu. Họ gặp lại nhau cùng lấy gương, lược ra so xem thì đúng với kỉ vật xưa và lời ước cũ. Họ kết duyên tương phùng nhưng Phạm Kim vẫn nhớ về mối tình cũ với Quỳnh nương. Đến lúc Thụy Châu gạn hỏi, chàng kể hết duyên do. *“Nàng nghe nói đến chữ “Quỳnh”/ Nghĩ tiền duyên hẳn là mình chẳng sai/ Ngửa tay xem dấu tổ mười/ Vây hay sinh hóa cơ trời lạ thay!”*. Vậy Thụy Châu chính là hậu thân của Trương Quỳnh Thư với hai chữ *“Quỳnh nương”* còn trong lòng bàn tay. Lúc này từ *“cơ trời”* Phạm Thái dùng đã là *trời* theo quan niệm của đạo Phật rồi. Họ Phạm đã lấy quan niệm con người có duyên kiếp với nhau và dùng thuyết luân hồi của đạo Phật để tạo nên một chuỗi hóa - sinh trong cuộc đời của Trương Quỳnh Thư. Hai người được đoàn tụ đúng như định mệnh. *Ngỡ như đó là một kết thúc có hậu khi câu chuyện khép lại bằng cuộc sống hạnh phúc của Phạm Kim với người chàng yêu - đúng như tiền định vậy* - nhưng đó chỉ là một *hạnh phúc giả tưởng* và Thụy Châu cũng là một *hình hài Quỳnh nương giả tưởng* mà thôi. Người yêu của Phạm Thái - Trương Quỳnh Như - trong cuộc đời thực đã không còn nữa và người yêu của Phạm Kim - Trương Quỳnh Thư trong tác phẩm cũng đã từ giả cuộc đời ngay ở giữa câu chuyện. Mượn cái giả thuyết *tiền định/ duyên nghiệp, luân hồi* của đạo Phật để *vót vát* cho cuộc tình ngang trái của mình, để tạo ra một kết thúc có hậu cho tình duyên của Phạm Kim (*đúng như tiền định!*), ta thấy một nụ cười đầm nước mắt của Phạm Thái. Cái kết *“tái thế tương phùng”*: Quỳnh Thư *“nhập hồn đối cốt”* vào một người con gái khác mà sống hạnh phúc với người yêu thực chất lại phản ánh nỗi đau tột cùng của Phạm Thái. Như vậy thuyết *duyên kiếp, luân hồi* của đạo Phật cũng không giúp gì được cho bi kịch tình yêu và cuộc đời của họ Phạm. Lấy *“liều thuốc”* là quan niệm *duyên kiếp - luân hồi* của Phật để *“chữa”* cho *“vết thương”* của lòng mình cũng là hình thức *giễu nhại Phật giáo về mặt bản thể*. Những luận thuyết về *tiền định/ duyên nghiệp, tái sinh - luân hồi* của nhà Phật cũng chỉ mang tính huyền hoặc, giả tưởng, là *“thứ thuốc phiện”* giảm đau tức thời chứ không giải thoát hay cứu độ được nỗi khổ chúng sinh. Nụ cười chua chát trong hồi kết một cuộc tình của Phạm Thái phảng phất chất *“trào lộng u mặc”* của một câu chuyện tình dở cười, dở khóc trong kho truyện cổ của Nhật Bản. Có thể khái lược truyện như sau:

“Đảo Miya Jima nước Nhật xưa là một hòn đảo linh thiêng. Trên đảo có hai vợ chồng người tiêu phu già như đôi đôi môi cổ kính. Họ có niềm ước ao: Giá như họ có thể trẻ lại để được hưởng hạnh phúc dài lâu. Một buổi sáng nọ, Yoshida đi một mình vào rừng. Khi đi đã mỏi, ông khát nước và thấy một dòng suối. Ông vốc nước lên uống thong thả. Khi nhìn bóng

mình dưới nước, ông sững sờ thấy mình trẻ như chàng trai hai mươi tuổi. Chàng Yoshida sung sướng vội về nhà kể cho vợ nghe. Họ hẹn nhau, sáng mai bà Fumi sẽ vào rừng uống nước dòng suối nọ... Sáng hôm sau, Fumi lên đường. Yoshida chờ đợi mãi mà chưa thấy vợ trở về... Sốt ruột, Yoshida chạy vào rừng. Đến gần chỗ “suối tiên”, anh chợt thấy một đứa bé con chừng vài tháng. Yoshida bế đứa bé lên và nhận ra đôi mắt của người vợ anh. Đôi mắt ấy từng khóc khi anh buồn, cười khi anh vui... Yoshida thở dài, bỗng đứa nhỏ buồn bã trở về.” [2, 112 -119].

Cả hai đoạn kết của hai cuộc tình đều dùng yếu tố kì ảo nhằm mục đích kéo dài mãi thời gian chung sống đến trọn đời của hai người yêu nhau. Tuy nhiên, dù với hình thức “*nhập hồn đối cốt*” của Trương Quỳnh Thư hay hình thức uống nước “*cải lão hoàn đồng*” của hai nhân vật trên cũng chỉ mang tính giả tưởng, huyền hoặc chứ không phải là hạnh phúc đích thực trên cõi thế gian. Đó là *nụ cười buồn bã về khát khao được chung sống mãi mãi bên người mình yêu dù biết điều đó vĩnh viễn không bao giờ trở thành sự thực...*

Với khát vọng mượn hai quan điểm về *thiên mệnh/ định mệnh* của Nho giáo, Phật giáo để lí giải số phận, cuộc đời Phạm Kim, để làm cứu cánh cho cuộc đời chính mình nhưng không thể tìm thấy lối thoát; Phạm Thái chuyển từ *thái độ đồng tình, từ đức tin sang cảm quan giễu nhại hai triết thuyết này về mặt bản thể*: Thuyết *thiên mệnh* của Nho giáo là thứ giáo lí khô cứng chỉ nêu ra hiện tượng mà không giải thích được nguyên nhân về số phận mỗi con người. Thuyết *định mệnh* của Phật giáo lại chỉ ra nguyên nhân quy định số phận mỗi con người bằng luận thuyết giả tưởng, siêu hình là duyên và nghiệp, là sự tái sinh - luân hồi. Như vậy, cả hai triết thuyết trên, theo quan niệm của Phạm Thái, đều mang tính *áp đặt, giả tưởng đối với số phận, cuộc đời mỗi con người*.

3. Kết luận

Khi hướng tới giễu nhại thần quyền ở cấp độ bản thể trong *Sơ kính tân trang*, Phạm Thái thể hiện một sự am hiểu rất sâu sắc về Nho, Phật, Đạo. Phạm Thái đã giễu nhại triết lí *diệt dục*, tu hành để *diệt khổ* của nhà Phật và triết lí *tiết dục*, tu hành để *trường sinh* của Đạo giáo là có phần phản tự nhiên. Từ đó, họ Phạm *khẳng định* nhu cầu được hưởng hạnh phúc chính đáng của con người nơi trần thế. Phạm Thái cũng đã từng đặc biệt đồng tình và hưởng ứng tư tưởng *thiên mệnh/ định mệnh* của Nho, Phật, tìm đến đó như một cứu cánh cho số phận - cuộc đời của bản thân. Nhưng cuộc đời bị kịch vẫn hoàn bị kịch nên họ Phạm giễu nhại cả hai triết thuyết này. Triết thuyết *thiên mệnh/ định mệnh* của Nho giáo, Phật giáo, theo họ Phạm, ít nhiều mang tính *áp đặt* và *giả tưởng* khi tự gán trước cho mỗi con người một số phận, một cuộc đời. Và như thế, với Phạm Thái, hai giáo lí trên cũng chỉ mang tính *nửa vời* không thể giải được “*bài toán*” về số phận con người.

Có thể nói, *Sơ kính tân trang* ẩn sâu chất *uy - mua đen (humour noir)* hay chất *trào lộng u-mặc*. Đó là một nụ cười buồn bã, thâm trầm, sâu sắc của Phạm Thái khi hướng tới khát vọng tìm hạnh phúc đích thực của con người.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] M. Bakhtin (2006), *Sáng tác của Francois Rabelais và nền văn hóa dân gian Trung cổ và Phục hưng*, Từ Thị Loan (dịch), Hoàng Ngọc Hiến (hiệu đính), Nxb Khoa học và xã hội, HN
- [2] Thu Giang Nguyễn Duy Cần (2014), *Cái cười của thánh nhân*, Nxb Trẻ, Tp HCM
- [3] Trần Đình Hượu *tuyển tập* (2000), *Tập 2 – Những vấn đề lịch sử văn học*, Nxb Giáo dục, HN
- [4] Nguyễn Hiến Lê (2013), *Khổng Tử*, Nxb Tổng hợp, Tp HCM
- [5] Nguyễn Văn Long - Lã Nhâm Thìn (2009), *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu giảng dạy*, Nxb Giáo dục, HN
- [6] Nhiều tác giả (2016), *Thế hệ nhà văn sau 1975*, Nhà xuất bản Hội nhà văn, HN
- [7] Lã Nhâm Thìn (1997), *Phân tích tác phẩm trung đại Việt Nam từ góc nhìn thể loại*, Nxb Giáo dục, HN
- [8] Trần Nho Thìn (2008), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa*, Nxb Giáo dục, HN
- [9] Hoàng Hữu Yên (2012), *Đọc và nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam*, Nxb ĐHSP, HN

THE THEOCRATIC PARODY IN *SO KINH TAN TRANG* WRITTEN BY PHAM THAI

Trương Thị Thu Hien
Hanoi National University of Education

Abstract: *So Kinh Tan Trang of Pham Thai (1777-1813) is one of the most famous works of Vietnamese literary in the period of the late 18th century and the early 19th century. One of the most significant features of this work is the theocratic parody focusing on two perspectives : the first one is the parody of lust - removal theory/ lust - control theory of Buddhism and Daoism. Pham Thai built a lot of disguised characters of practitioners, basing on the ethereal life to describe the unworldly life and still reeked of the mundane practice, he parodied the lust - removal theory/ lust - control theory which were unnatural in order to confirm the real happiness in the daily life. The second one is the parody of the mandate of heaven and the destiny from Buddhism and Confucianism. By describing a great deal of predetermined incidents in Pham Kim's life, the author indicated that all above catechisms were imposed, were unimaginable, therefore they couldn't solve uncertainties of human's destinies. So Kinh Tan Trang implied the "humour- noir". It was PhamThai's sad and profound smile that led him to the desire to find the real happiness for human.*

Keywords: *So kinh tan trang, Pham Thai, parody, lust - removal theory/ lust - control theory, the mandate of heaven, happiness...*